

DANH SÁCH GHI ĐIỂM THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021-2022

Môn: **Khởi tạo doanh nghiệp; Lớp: CCQ2112IJ**

Nhóm: **02**

CBGD: **Hà Minh Phước**

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
226184	1	2121120323	Nguyễn Thị Lan	Anh	CCQ2112J	7.0	5.5	6.1	
226184	2	2121200139	Nguyễn Bùi Kiều	Anh	CCQ2120D				v
226184	3	2121120068	Nguyễn Quốc	Bảo	CCQ2112B	7.0	6.5	6.7	
226184	4	2121260021	Đặng Thị Lang	Chi	CCQ2126A	7.5	6.0	6.6	
226184	5	2121120353	Nguyễn Xuân	Đạt	CCQ2120F	7.0	7.5	7.3	
226184	6	2121120284	Nguyễn Thị Thanh	Diệp	CCQ2112I	5.3	6.5	6.0	
226184	7	2121120349	Đạo Thị Phương	Du	CCQ2112J	7.3	5.5	6.2	
226184	8	2121120290	Nguyễn Thùy	Dương	CCQ2112I	7.1	5.5	6.2	
226184	9	2121120305	Trần Khánh	Duyên	CCQ2112I	8.1	6.0	6.9	
226184	10	2121120285	Nguyễn Thị Cẩm	Hà	CCQ2112I	7.5	7.0	7.2	
226184	11	2121120327	Lê Gia	Hân	CCQ2112J	7.8	6.5	7.0	
226184	12	2121120293	Lê Sỹ	Hoàng	CCQ2112I	6.0	6.5	6.3	
226184	13	2121120282	Phan Gia	Huệ	CCQ2112I	8.3	7.0	7.5	
226184	14	2121120134	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	CCQ2112D	7.8	5.5	6.4	
226184	15	2121120297	Lê Đức Gia	Huy	CCQ2112I	6.9	7.5	7.3	
226184	16	2121120312	Trần Văn	Khải	CCQ2112I				v
226184	17	2121120291	Phạm Thị Ngọc	Lài	CCQ2112I				v
226184	18	2121200042	Huỳnh Tấn	Lập	CCQ2120B	8.3	6.5	7.2	
226184	19	2121200192	Phạm Bích	Liều	CCQ2120F	7.4	6.0	6.6	
226184	20	2121120315	Triệu Thị Kim	Linh	CCQ2112I	6.4	5.0	5.6	
226184	21	2121120309	Thân Thuỳ	Linh	CCQ2112I	7.5	7.5	7.5	
226184	22	2121120304	Nguyễn Thị	Loan	CCQ2112I	7.3	8.0	7.7	
226184	23	2121120286	Tô Nguyễn Kiều	Loan	CCQ2112I	7.3	8.5	8.0	
226184	24	2121120135	Huỳnh Thị Bích	Ly	CCQ2112D	7.4	6.0	6.6	
226184	25	2121120649	Nguyễn Thu	Ly	CCQ2112J				v
226184	26	2121120337	Hoàng Nhật	Minh	CCQ2112J	6.5	5.0	5.6	
226184	27	2121120020	Hoàng Thị	Minh	CCQ2112A	8.1	6.5	7.2	
226184	28	2121120313	Nguyễn Thành	Nam	CCQ2112I				v
226184	29	2121120011	Phạm Thị Thảo	Ngân	CCQ2112A	8.5	6.0	7.0	
226184	30	2121120015	Đặng Thị Kim	Ngân	CCQ2112A	8.4	7.0	7.6	
226184	31	2121120296	Đặng Phương	Ngân	CCQ2112I	6.9	6.5	6.7	
226184	32	2121120340	Nguyễn Thị Mỹ	Ngân	CCQ2112J	7.5	7.5	7.5	
226184	33	2121120044	Nguyễn Lê Thúy	Ngân	CCQ2112B	7.3	8.0	7.7	
226184	34	2121120328	Lê Thị Kim	Ngọc	CCQ2112J	7.0	6.5	6.7	
226184	35	2121120645	Trương Thị Hồng	Ngọc	CCQ2112I	6.1	6.0	6.1	
226184	36	2121120025	Văn Thị Thu	Nguyệt	CCQ2112A	7.3	6.0	6.5	
226184	37	2121120311	Nguyễn Thị Yến	Nhi	CCQ2112I	7.6	7.0	7.3	
226184	38	2121120326	Võ Trần Tú	Nhi	CCQ2112J	7.0	5.0	5.8	

226184	39	2121120332	Nguyễn Thị Huỳnh	Nhi	CCQ2112J				v
226184	40	2121120347	Vương Thị Tú	Như	CCQ2112J	7.6	7.5	7.6	
226184	41	2121120342	Trần Đặng Quỳnh	Như	CCQ2112J	7.6	5.5	6.4	
226184	42	2121120650	Lê Thị Ngọc	Phương	CCQ2112A	8.5	8.0	8.2	
226184	43	2121120301	Nguyễn Thị Tú	Quỳnh	CCQ2112I	7.1	7.0	7.1	
226184	44	2121120294	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	CCQ2112I	5.8	6.0	5.9	
226184	45	2121120288	Lê Hương	Quỳnh	CCQ2112I	7.6	7.0	7.3	
226184	46	2121190126	Trần Thế	Thành	CCQ2120B	8.0	6.0	6.8	
226184	47	2121120335	Nguyễn Thị Thu	Thảo	CCQ2112J	7.9	7.0	7.4	
226184	48	2120120721	Phạm Quốc	Thịnh	CCQ2012Q	7.1	5.5	6.2	
226184	49	2121120039	Võ Thị Ngọc	Thu	CCQ2112B	7.3	6.5	6.8	
226184	50	2121120314	Nguyễn Thị Minh	Thư	CCQ2112I	7.3	7.5	7.4	
226184	51	2121120057	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	CCQ2112B	7.3	6.5	6.8	
226184	52	2121120295	Phan Thị Ngọc	Thương	CCQ2112I	6.8	7.5	7.2	
226184	53	2121120319	Triệu Thị	Thủy	CCQ2112J	8.0	7.0	7.4	
226184	54	2121120012	Trần Bích	Thủy	CCQ2112A	7.3	7.0	7.1	
226184	55	2121120299	Nguyễn Thị Tiên	Tiên	CCQ2112I	6.1	7.0	6.7	
226184	56	2121120638	Trần Kim Bảo	Trâm	CCQ2112J				v
226184	57	2121200182	Nguyễn Thị Quế	Trân	CCQ2120F	7.3	7.0	7.1	
226184	58	2121120027	Nguyễn Thị Bé	Trang	CCQ2112A	7.3	6.0	6.5	
226184	59	2121120647	Trần Văn	Tráng	CCQ2112I	7.1	6.5	6.8	
226184	60	2121200180	Mai Võ Ngân	Triều	CCQ2120F	7.5	7.5	7.5	
226184	61	2121120330	Hồ Quốc	Tuấn	CCQ2112J	5.6	4.5	5.0	
226184	62	2121120303	Nguyễn Hoàng Anh	Tuấn	CCQ2112I	6.5	6.0	6.2	
226184	63	2121120350	Nguyễn Khánh	Tường	CCQ2112J	6.3	5.0	5.5	
226184	64	2121120344	Võ Thị Kim	Tuyền	CCQ2112J	7.6	7.0	7.3	
226184	65	2121120302	Huỳnh Thị Thanh	Tuyền	CCQ2112I	7.8	7.0	7.3	
226184	66	2121120150	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền	CCQ2112E	8.0	6.5	7.1	
226184	67	2121200178	Ngô Thị Diễm	Uyên	CCQ2120F	7.0	6.5	6.7	
226184	68	2121120283	Đào Thị Phương	Uyên	CCQ2112I	6.6	7.0	6.9	
226184	69	2121120435	Trần Thị Thúy	Vi	CCQ2112I	7.9	7.0	7.4	
226184	70	2121120648	Nguyễn Thị	Vĩ	CCQ2112J	5.9	7.5	6.9	
226184	71	2121120307	Đỗ Lê Hùng	Vĩ	CCQ2112I	6.8	6.0	6.3	
226184	72	2121120033	Lê Thị	Việt	CCQ2112A	8.3	5.0	6.3	
226184	73	2121120320	Lê Thế	Vinh	CCQ2112J	7.0	7.0	7.0	
226184	74	2121120005	Bùi Trúc	Vy	CCQ2112A	7.3	6.5	6.8	
226184	75	2121200181	Huỳnh Lê Mai	Vy	CCQ2120F	7.3	6.5	6.8	
226184	76	2121120345	Nguyễn Hoa Nhật	Vy	CCQ2112J	7.3	6.0	6.5	
226184	77	2121120292	Lê Hiền	Vy	CCQ2112I	7.1	6.5	6.8	
226184	78	2121120306	Lê Thị Thanh	Vy	CCQ2112I	7.4	7.0	7.2	
226184	79	2121120643	Võ Thị Như	Ý	CCQ2112G	6.6	5.5	6.0	
226184	80	2121120265	Ngô Thị Hải	Yến	CCQ2112H	5.3	5.5	5.4	